



100

ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ

PHONG TỤC

Việt Nam



GUYÊN
LIỆU
7



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**100 ĐIỀU NÊN BIẾT
VỀ PHONG TỤC VIỆT NAM**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Thọ mai gia lễ* - Bản chữ Hán của Hồ Sĩ Tân(bản khắc gỗ)
 - *Kiến văn tiểu lục* - Lê Quý Đôn
 - *Vũ trung tùy bút* - Phạm Đình Hồ
 - *Lịch triều tạp ký tập II* - Cao lãng, Xiển Trai, NXB KHXH
 - *Đại việt sử ký toàn thư tập II*, NXB KHXH
 - *Việt nam phong tục* - Phan Kế Bính, NXB TP HCM - 1990
 - *Lịch sử thế kỷ XX* - Viện khoa học Việt Nam
 - *Truyện kiều* - Nguyễn Du
 - *Truyện ngắn chọn lọc* - Nguyễn Công Hoan
 - *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam 1030 - 1945* - NXB ĐH và TH chuyên nghiệp.
 - *Hợp tuyển thơ văn 1858 - 1920*
 - *Tục ngữ ca dao Việt Nam* - Vũ Ngọc Phan
 - *Tục ngữ Việt Nam* - Chu Xuân Diên biên soạn
 - *Quang Trung Nguyễn Huệ* - Con người và sự nghiệp- Phan Huy Lê
 - *Thơ văn Nguyễn Khuyến* - NXB Văn hoá
 - *Nguyễn Khuyến và giai thoại* - Hội VHNT Hà Nam Ninh
 - *Bàn về hát ru con* - Trần Hữu Thung, Ty VHNT Nghệ Tĩnh
 - *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* - Đỗ Tất Lợi - NXB KHKT
 - *Thiên văn học giải trí* - Cômarốp
- Các sách Hán văn không lưu tên tác giả:
- *Yếu lược tuyển trạch nhật*
 - *Đồng công tuyển trạch nhật*
 - *Chu gia yếu lược trạch nhập tập*
 - *Tân sát chu sát thời biểu*
 - *Nhật cước kỳ dung*
 - *Nhị thập bát tú*
 - *Vạn bảo toàn thư*
 - *Ngọc hạp ký*
 - *Cát hung nghi tinh ký*
 - *Phùng Thị cầm nang bí lục*

TÌM HIỂU VĂN HÓA CỔ TRUYỀN



100 ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ PHONG TỤC VIỆT NAM

HỒNG MINH

(Tổng hợp, biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



朝拜



Vái chào.

LỜI GIỚI THIỆU

Phong tục làm cho sắc thái văn hóa trở nên đa dạng, phong tục giúp chúng ta phân biệt được cộng đồng này, dân tộc này, nước này khác với cộng đồng khác, dân tộc khác và nước khác. Sống đúng với phong tục của nước mình, dân tộc mình mới là sống với truyền thống. Phong tục Việt Nam nói chung và các phong tục của dân tộc thiểu số trên lãnh thổ Việt Nam nói riêng là một đề tài vô tận, bởi nước ta có 54 dân tộc và sẽ rất nhiều phong tục, sự kiện văn hóa khác nhau.

Vẻ đẹp của những phong tục trong cách thờ cúng tổ tiên, cách tổ chức lễ tết hay những tục lệ trong hiếu, hỷ... là những hiện tượng mang đậm ý nghĩa văn hóa truyền thống của dân tộc Việt. Vì thế nếu muốn hiểu về văn hóa truyền thống thì phải tìm hiểu từ các phong tục bởi phong tục chính là phản ánh chân thực nhất cuộc sống của mỗi thời kỳ.

Phong tục chính là nét đẹp của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia và nhìn vào phong tục tập quán để biết được đó là dân

tộc nào, quốc gia nào. 100 điều nên biết về phong tục Việt Nam” giới thiệu đến bạn đọc một số phong tục, những tập tục trong hiếu hỷ hay những ngày lễ tết lớn tiêu biểu nhất của Việt Nam. Ngoài ra sách còn giới thiệu một số những tục lệ hay, những ngày lễ của các vùng miền và một số dân tộc tiêu biểu. Và hầu hết các phong tục vẫn còn được duy trì đến ngày hôm nay, nhưng có một số phong tục bị mai một đi theo thời gian và một số khác được chắt lọc hoặc được kết hợp với nhau cho phù hợp với xã hội hiện tại.

Trong thời bùng nổ thông tin, giao thoa các nền văn hóa của các nước trên thế giới sẽ làm ảnh hưởng ít nhiều đến phong tục của Việt Nam. Ảnh hưởng đó có thể là tốt cũng có thể là không tốt đối với phong tục của nước ta, cũng có thể nó sẽ làm mất đi một số phong tục đẹp. Vì thế chúng tôi mong được đóng góp một phần rất nhỏ trong việc bảo tồn những phong tục đẹp của Việt Nam.

Người biên soạn

Chương I

CƯỚI HỎI

VÀI NÉT GIỚI THIỆU VỀ NGHI LỄ CƯỚI HỎI DÂN GIAN CỦA NƯỚC TA

Trước đây và cho đến bây giờ người Việt Nam vẫn gọi lễ cưới là hôn lễ. Dựa theo giải thích của GS. Đào Duy Anh thì chữ "hôn" nguyên nghĩa là chiều hôm, theo lễ tục thời xưa người ta làm lễ cưới vào buổi chiều tối.

Dân gian coi cưới xin là một trong ba việc lớn của đời người (sự nghiệp, làm nhà và cưới vợ) khi nhấn mạnh trong câu ca dao: "*Tậu trâu cưới vợ làm nhà...*"

Vì là nước nhỏ nằm ngay cạnh Trung Quốc và bị đô hộ trong một thời gian dài vì thế nghi lễ cưới hỏi của Việt Nam bị ảnh hưởng ít nhiều của văn hóa Trung Hoa. Hôn nhân của người nước ta ngày xưa có sáu lễ chính, để tiến đến lễ cưới, hai gia đình phải thực hiện những lễ chính sau:

- Lễ nạp thái: Sau khi nghị hôn, nhà trai mang sang

nhà gái một cặp "nhận" để tỏ ý đã kén chọn ở nơi ấy. Lễ này nhằm chính thức hóa quan hệ hôn nhân của hai gia đình. Lễ chạm ngõ ngày nay là buổi gặp gỡ giữa hai gia đình. Nhà trai xin đến nhà gái đặt vấn đề chính thức cho đôi nam nữ được tìm hiểu nhau một cách kỹ càng hơn trước khi đi đến quyết định hôn nhân. Thời nay thường gọi là lễ gặp mặt.

- Lễ vấn danh (Lễ chạm ngõ - dặm ngõ): Là lễ do nhà trai sai người làm mối đến hỏi tên tuổi và ngày sinh tháng đẻ của người con gái. Lễ này đánh dấu sự đi lại chính thức giữa hai họ.

- Lễ nạp cát: Lễ báo cho nhà gái biết rằng đã xem bói được quẻ tốt, nam nữ hợp tuổi nhau thì lấy được nhau, nếu tuổi xung khắc thì thôi (thường thì lễ này có những nơi sẽ làm trước lễ vấn danh).

- Lễ nạp tệ (hay lễ nạp trưng): Là lễ nạp đồ sính lễ cho nhà gái, tang chứng cho sự hứa hôn chắc chắn. Lễ này có nơi còn gọi là lễ ăn hỏi, và nghi lễ này được tiến hành trước lễ thân nghinh (thành hôn) khoảng một tuần.

- Lễ thỉnh kỳ: Là lễ xin định ngày giờ làm rước dâu tức lễ cưới. Hiện nay lễ này thường làm cùng với lễ vấn danh, hai gia đình sẽ xem xét ngày giờ tốt để thực hiện lễ ăn hỏi (lễ nạp tệ) và lễ cưới (lễ thân nghinh)

- Lễ thân nghinh (tức lễ rước dâu hay lễ cưới): Đúng ngày giờ đã định, họ nhà trai mang lễ đến để rước dâu về.

Nhưng trải qua thời gian, một số nghi lễ đã được lược

bỏ hoặc kết hợp cùng các nghi lễ khác và giờ đây thu gọn lại còn 3 lễ chính:

- Lễ chạm ngõ hay dạm ngõ (Lễ vấn danh).
- Lễ ăn hỏi.
- Lễ cưới (Lễ thân nghinh).

Dưới đây là một số tục cưới hỏi và ý nghĩa những tục lệ đó của người Việt xưa và một số tục cưới hỏi đến ngày nay vẫn còn lưu giữ.

1. Nghĩa của từ “Gia thất” là gì?

Gia là nhà, thất là buồng. Người xưa có câu “Nam chi hữu thất, nữ chi hữu gia” nghĩa là: Người con trai có buồng (để cho vợ ở), người con gái có nhà (nơi mình sẽ về, chỉ nhà chồng). Vì vậy vợ chồng lấy nhau gọi là “yên bề gia thất”.

Ở nước ta, từ “gia thất” còn có nghĩa là nhà như “nhà ơi!” để vợ chồng gọi nhau hoặc “nhà tôi” để xưng hô với người khác (chỉ vợ hoặc chồng của mình). Còn chữ “mình ơi!” lại xuất phát từ thần thoại châu Âu: Truyện kể rằng thuở xa xưa, có một vị thần thấy các cặp vợ chồng không được “cơm lành canh ngọt” bèn chặt mỗi người ra làm đôi để hai nửa tự tìm lấy nhau. Nhưng nói chung đa số đều lắp nhầm, nên cứ đi lang thang để gọi “mình ơi! Mình ơi!” và gọi người mình yêu là một nửa của tôi. Vì giao thoa văn hóa nên nước ta dùng từ “mình ơi” để chỉ vợ hoặc chồng cho thân mật.

